

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NGỌC HỒI **Độc Lập – Tự Do- Hạnh Phúc.**
TỈNH KON TUM

Bản án số: 36 /2021/HSST

Ngày 30/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành;

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đức Xuân; Ông Vũ Trọng Tiến;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Chinh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 13/01/1980; tại H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 09/12; - Nghề nghiệp: Lao động tự do.

HKTT: Thôn H, Xã X, Huyện N, Tỉnh H.

- Cha: Lê Q; Sinh năm 1941. - Mẹ: Đặng Thị C; Sinh năm 1944. Hiện cha, mẹ, chị em của bị cáo đang sinh sống tại Thôn H, Xã X, Huyện N, Tỉnh H. Gia đình bị cáo có 04 chị em; lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1986; bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

-Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Văn N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 02/11/1973; tại Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- HKTT: Thôn I, Xã P, Huyện N, Tỉnh K.

- Cha: Lê Văn H (Đã chết), Mẹ: Trương Thị H; Hiện đang sinh sống tại Thôn T Xã G, Huyện Q, Tỉnh Q.

- Vợ: Đào Thị T; Sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Làm nông.

- Bị cáo có 3 con; con lớn nhất sinh năm 2011; con nhỏ nhất sinh năm 2018.

- Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em; lớn nhất sinh năm 1967; nhỏ nhất sinh năm 1986; bị cáo là con thứ 4 trong gia đình.

-Tiền án, tiền sự: Không

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phan Đức Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 12/10/1980; tại B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- HKTT: Thôn L, Xã M, Huyện P, Tỉnh B

- Cha: P; Sinh năm; 1954. - Mẹ: Phùng Thị Đoan T; Sinh năm: 1955. Hiện cha, mẹ bị cáo đang sinh sống tại Thôn L, Xã M, Huyện P Tỉnh B.

- Vợ: Trần Thị T; Sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2008.

- Gia đình bị cáo có 05 anh em; lớn nhất sinh năm 1984; nhỏ nhất sinh năm 1994; bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

-Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phan Tất T; Tên gọi khác: C; Giới tính: Nam Sinh ngày: 02/03/1996; tại Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- HKTT: Thôn T, Xã N, Thành phố Đ, Tỉnh Q.

- Cha: Không xác định; Mẹ: Đào Thị Hồng Lưu; Sinh năm 1963. Hiện đang sinh sống tại Thôn Trung Nghĩa 6, Xã N, Thành phố Đ Tỉnh Q.

- Gia đình bị cáo có 2 chị em; lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1996; bị cáo là con út trong gia đình.

-Tiền án: Không - Tiền sự: 01 tiền sự. - Ngày 03/10/2020, bị Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế B, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 5.000.000 đồng) về hành vi "qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định". (Chưa xóa Quyết định).

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/05/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Văn D; Trú tại: xã H, huyện Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

2. Lương Thị N ; Trú tại: xã H, huyện Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

3. Võ Văn N, Trú tại: xã H, huyện Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

4. Nguyễn văn N, Trú tại: Xóm 3 xã D, huyện D, tỉnh N. Vắng mặt.

5. Ngô Sỹ H, Trú tại: Xóm 3 xã T, huyện D, tỉnh N. Vắng mặt.

6. Ngô Văn Q, Trú tại: Tổ 2 Phường C, TP P, tỉnh G. Vắng mặt.

7. Lê Minh Q, Trú tại: Xã P, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

8. Phạm Xuân T, Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh N. Vắng mặt.

9. Phạm Viết Đ, Trú Tại: Xóm 4, Xã D, huyện D, tỉnh N. Vắng mặt.

10. Nguyễn Trung Q, Trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh K, Vắng mặt.

11. Nguyễn Minh X, Trú tại: Tổ dân phố 3 thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào lúc 02 giờ 40 phút ngày 09/10/2020, Tổ công tác thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung - Bộ đội biên phòng đang thực hiện nghiệp vụ công tác chuyên môn tại khu rừng bên phải Cửa khẩu quốc tế B, cách đường biên giới Việt Nam - Lào khoảng 800 m về hướng nội địa thuộc địa phận Thôn I, Xã P, Huyện N, Tỉnh K, thì phát hiện một nhóm người đi bộ từ hướng Việt Nam sang Lào có biểu hiện nghi vấn nên Tổ công tác ra tín hiệu yêu cầu dừng lại để kiểm tra, tuy nhiên nhóm người này đã bỏ chạy. Tổ công tác tiến hành truy bắt được 10 đối tượng gồm Lê Văn N cùng với: Phạm Xuân T (Sinh năm 1978, trú tại xã Đ, Huyện Y, Tỉnh N); Nguyễn Văn N (Sinh năm 1992, trú tại xã Di, Huyện D Tỉnh N); Phạm Việt Đ (Sinh năm 1978, trú tại xã D, Huyện D, Tỉnh N); Ngô Sỹ H (Sinh năm 1998, trú tại Xã Diên X, Huyện D, Tỉnh N); Lê Minh (Sinh năm 1995, trú tại xã P, huyện P, Tỉnh T); Ngô Văn Q (sinh năm 1972, trú tại Phường C, Thành phố P, Tỉnh G; Võ Văn N(Sinh năm 1996); Võ Văn D (sinh năm 1995) và Lương Thị N(sinh năm 1998) cùng trú tại xã H, Huyện Q, Tỉnh Q. Sau khi truy bắt được 10 đối tượng trên, tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng vụ án.

Quá trình điều tra, Lê Văn C, Lê Văn N, Phan Đức Q, Phan Tất T khai nhận như sau: Ngày 07/10/2020, tại quán cà phê Hoa Giấy thuộc thị trấn P, huyện N, tỉnh K, có một người tên là G (chưa rõ nhân thân lai lịch) đặt vấn đề với Lê Văn C là H (anh trai của G, chưa rõ nhân thân lai lịch) có quen biết với một số người và những người này đang có nhu cầu đi từ Việt Nam sang Lào làm ăn; do dịch Covid -19 nên cửa khẩu không cho làm thủ tục xuất cảnh nên muốn C dẫn họ đi từ Việt Nam sang Lào bằng đường tiểu ngạch. Sau đó, Lê Văn C nhận được điện thoại của một người tên H (đang ở bên Lào, chưa rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ) nói C dẫn 07 người xuất cảnh trái phép sang Lào với giá từ 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/1 người. C đồng ý; đồng thời thỏa thuận với H khi nào dẫn người qua bên kia biên giới sẽ giao người và nhận đủ tiền.

Do không thông thạo địa hình nên Lê Văn C gọi điện thoại cho Lê Văn N và hẹn gặp nhau tại thị trấn P, huyện N. C đặt vấn đề với N về việc dẫn 07 người qua biên giới trái phép và cùng nhau chia tiền khi được người bên Lào đưa. N đồng ý. C và N thống nhất, N có nhiệm vụ chọn đường đi, giờ đi và gọi phương tiện chở người lên khu vực biên giới; còn C có nhiệm vụ đi lên khu vực biên giới quan sát, canh đường. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày C gọi điện thoại cho H để thống nhất về giá là 1.500.000 đồng/1 người. H đồng ý và nói có 2 người khách không đi, chỉ còn 05 người đi sang Lào và đang ở Khách sạn H, đường Hoàng Thị L, thị trấn P, huyện N.

Khoảng 09 giờ ngày 08/10/2020, có một đối tượng tên S (chưa rõ nhân thân, lai lịch, có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với C và N từ năm 2019) gọi điện thoại cho Lê Văn C và 15 giờ 30 phút cùng ngày, S cũng gọi điện thoại cho Lê Văn N nói C và N dẫn thêm 06 người khách của S từ Việt Nam sang Lào trái phép. C, N đồng ý. Mặc dù S, N, C không đề cập đến việc sẽ nhận bao nhiêu tiền khi dẫn 06 người xuất cảnh trái phép qua Lào; tuy nhiên, trong thời gian sinh sống tại khu vực cửa khẩu thì cả 03 người đều hiểu tại đây đã hình thành quy tắc ngầm là người đi qua trái phép sẽ trả tiền cho người dẫn và người nhận. Khi nào nhận được tiền thì sẽ chia theo thỏa thuận của bên dẫn và bên nhận người.

Khoảng 20h ngày 08/10/2020, C gọi điện thoại cho N nói khoảng 24h đến nhà nghỉ H, đường Hoàng Thị, thị trấn P, huyện N để dẫn người sang Lào; còn C sẽ đi xe mô tô lên trước đứng đợi tại khu vực Lâm trường S (đoạn gần biên giới Việt Nam - Lào) để canh giới. Sau đó, vì muốn có thêm người dẫn đường nên C gọi điện thoại cho Phan Đức Q và rủ Q cùng tham gia dẫn 11 người xuất cảnh trái phép sang Lào và hứa sẽ trả cho Q 1.000.000 đồng. Q đồng ý. C nói khi nào gần đi thì C sẽ gọi điện thoại báo. Khoảng 21 giờ ngày 08/10/2020, C gọi điện thoại cho Q nói đến nhà nghỉ H, đường Hoàng Thị L, thị trấn Plei, huyện N để dẫn người sang Lào.

Sau khi thống nhất với C và S về việc dẫn 11 người xuất cảnh trái phép sang Lào; vì muốn có thêm người dẫn đường nên vào khoảng 22h30 ngày 08/10/2020, N rủ Phan Tất T (là em vợ của N, đang sinh sống cùng nhà với N) cùng tham gia dẫn 11 người từ Việt Nam sang Lào trái phép và hứa sẽ trả cho T 2.000.000 đồng. T đồng ý.

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 08/10/2020, N gọi xe taxi mang biển số 82A – 025.43 do anh Nguyễn Trung Q (Sinh năm 1974, trú tại thôn N, Xã B, huyện N, tỉnh K) điều khiển đến nhà N chở N và T đến nhà nghỉ H, Thị trấn P, Huyện N, Tỉnh K. Khi đến khách sạn H, N thấy có 11 người khách và Phan Đức Q đang ngồi chờ. Vì xe ô tô của Q là loại xe 05 chỗ ngồi không đủ nên N nói Q gọi thêm một xe khác. Q đã gọi thêm xe taxi mang biển số 82A- 04852 do anh Nguyễn Minh X (Sinh ngày 3/2/1986, trú tại Tổ dân phố 3, Thị trấn P, Huyện N, Tỉnh Kon Tum) điều khiển đến khách sạn H. Sau đó, Q, T cùng 05 người khác lên xe của Q chạy trước, N cùng 06 người khác lên xe của X chạy sau. N, Q, T dẫn 02 xe taxi chạy theo lộ trình từ khách sạn Hoàng Dung I đi theo Quốc lộ 14 rẽ vào đường NT 18 (đường lên của khu quốc tế Pờ Y) đến Lâm trường S thì tất cả xuống xe. N, Q, T dẫn 11 người khách đi qua rẫy cà phê khu đồi hướng về biên giới Việt Nam - Lào. Khi đi được khoảng 01km thì gặp C đang đứng đợi. Sau đó cả nhóm tiếp tục đi theo đường mòn, lối mở để sang Lào. Vào lúc 2 giờ 40 phút ngày 09/10/2020 khi đến khu vực rừng cách đường tuần tra biên giới khoảng 50m, cách đường biên giới Việt Nam - Lào khoảng 800 m về hướng nội địa thuộc địa phận Thôn I, Xã P, Huyện N, Tỉnh K thì bị Tổ công tác thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung - Bộ đội biên phòng phát hiện, bắt quả tang Lê Văn N và Phạm Xuân T, Nguyễn Văn N, Võ Văn N, Phạm Việt Đ,

Võ Văn D, Lương Thị N, Lê Minh Q, Ngô Văn Q, Ngô Sỹ H; còn Lê Văn C, Phan Đức Q, Phan Tất T và 02 người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã chạy thoát.

Vật chứng vụ án: Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Kon Tum thu giữ đồ vật, tài liệu như sau:

Thu giữ của Lê Văn C: 01 sổ hộ khẩu, chủ hộ mang tên Lê Q; 01 giấy chứng minh nhân dân số 183234310 mang tên Lê Văn , 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Văn C; 01 giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Lê Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Văn T; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn C; 01 điện thoại di động một mặt màu đen có chữ FPT, một mặt màu đỏ; 01 vật hình dáng giống điện thoại, màu đen mặt trước có chữ màu trắng Masstel, mặt sau có chữ A9 sản phẩm dành riêng cho Viettel; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen.

Thu giữ của Phan Đức Q: 01 điện thoại di động màu đen hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phan Đức Q; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Đức Q; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Thanh V.

Thu giữ của Lê Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

Thu giữ của Phan Tất T: 01 căn cước công dân số 044096001010 mang tên Phan Tất T do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ công an cấp ngày 29/07/2020; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Kon Tum đã xác định và trả 01 cuốn hộ khẩu mang tên Lê Q cho anh Lê Văn T là phù hợp với pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô mang biển số 38N- 2653 do Lê Văn C điều khiển đi thăm dò đường để dẫn người xuất cảnh trái phép, theo lời khai của Lê Văn C, C mượn xe mô tô này của anh Lê Văn T sau đó trả lại cho anh T và anh T không biết C đi đâu, làm gì nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Kon Tum không thu giữ là phù hợp với pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động NOKIA, phím số, sim số 0877285180, theo lời khai của Phan Đức Q đã vứt tại cầu Đăk Mót, Xã T, Huyện Đ, Tỉnh K. Cơ quan An ninh điều tra - công an tỉnh Kon Tum đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Các vật chứng còn lại chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện N, Tỉnh Kon Tum để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-P1 ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo: Lê Văn C, Lê Văn N, Phan Đức Q, Phan Tất T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 15, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt: Lê Văn C từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bị tạm giữ, tạm giam, ngày 15/01/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 15, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt: Lê Văn N từ 6 năm 6 tháng tù đến 7 năm tù. Thời hạn tù tính từ bị tạm giữ, tạm giam, ngày 09/10/2020.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 15, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt: Phan Đức Q từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Thời hạn tù tính từ bị tạm giữ, tạm giam, ngày 14/01/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 15, Điều 17, Điều 57 của Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt: Phan Tất T từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bị tạm giữ, tạm giam, ngày 11/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ:

01 (một) điện thoại di động phím số, hiệu Nokia, vỏ màu đen (đã qua sử dụng) của Lê Văn Canh, và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Lê Văn Nam.

Trả lại cho Lê Văn C: 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Văn C; 01 giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Lê Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Văn T; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn C; 01 điện thoại di động một mặt màu đen có chữ FPT, một mặt màu đỏ; 01 vật hình dáng giống điện thoại, màu đen mặt trước có chữ màu trắng Masstel, mặt sau có chữ A9 sản phẩm dành riêng cho Viettel, 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen.

Trả lại cho Phan Đức Q: 01 điện thoại di động màu đen hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phan Đức Q; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Đức Q; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Thanh V.

Trả lại cho Phan Tất T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Đối với giấy chứng minh nhân dân của Lê Văn C, Phan Đức Q, căn cước công dân của Phan Tất T giao cho cơ sở giam giữ quản lý và hoàn trả lại cho các bị cáo khi chấp hành xong án phạt tù.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát là đúng tội, đúng người, không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo thấy việc mình làm sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh : Qua xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Kon Tum thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo mà bản cáo trạng số: 12/CT - VKS-P1, ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố; Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 45 ngày 08/10/2020, Lê Văn C, Lê Văn N cùng với Phan Đức Q, Phan Tất T thực hiện hành vi dẫn 11 người đi theo đường mòn, lối mở để xuất cảnh trái phép sang Lào. Vào lúc 2 giờ 40 phút ngày 09/10/2020, khi đến khu vực rừng cách đường tuần tra biên giới khoảng 50m, cách đường biên giới Việt Nam - Lào khoảng 800 m về hướng nội địa thuộc địa phận Thôn Iệt, Xã P, Huyện N, Tỉnh K thì bị Tổ công tác thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung - Bộ đội biên phòng phát hiện, bắt quả tang Lê Văn N và Phạm Xuân T, Nguyễn Văn N, Võ Văn N, Phạm Việt Đ, Võ Văn D, Lương Thị N, Lê Minh Q, Ngô Văn Q, Ngô Sỹ H; còn Lê Văn C, Phan Đức Q, Phan Tất T và 02 người khách (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã chạy thoát.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố ý đưa người xuất cảnh trái phép sang Lào mà không được sự chấp thuận (cho phép) của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý, xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, để thu lợi bất chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo. Mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “ *Tổ chức cho*

người khác xuất cảnh trái phép ” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật hình sự, như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù các bị cáo chưa đưa được người qua khỏi biên giới thì bị phát hiện bắt giữ; nhưng hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội phạm trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với tình tiết định khung, các bị cáo đã nhận lời đưa 11 người xuất cảnh trái phép sang Lào, nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348 BLHS đối với các bị cáo. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo là không có,

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; Lê Văn C, Lê Văn N là những người khởi xướng, rủ rê và là người thực hiện hành vi phạm tội. Phan Đức Q, Phan Tất T với vai trò là người giúp sức cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với C và N.

Về tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn N, Phan Đức Q, Phan Tất T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với Phan Đức Q đến cơ quan công an đầu thú, có mẹ là thương binh, ông ngoại là Liệt sỹ. Lê Văn C có cha, mẹ là người có công với cách mạng. Lê Văn N có mẹ tham gia cách mạng được tặng bằng khen, Kỷ niệm chương Chiến sỹ Trường sơn đường Hồ Chí Minh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà các bị cáo được hưởng. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà tích cực học tập cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về hình phạt: Từ những phân tích trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để các bị cáo có thời gian cải tạo trở thành công dân tốt. Xét về hình phạt bổ sung. Hội đồng xét thấy, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định, Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo .

[5]. Về xử lý tang vật vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ:

01 (một) điện thoại di động phím số, hiệu Nokia, vỏ màu đen (đã qua sử dụng) của Lê Văn C, và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Lê Văn N.

Trả lại cho Lê Văn Canh: 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Văn C; 01 giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Lê Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Văn T; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn C; 01 điện thoại di động một mặt màu đen có chữ FPT, một mặt màu đỏ; 01 vật hình dáng giống điện thoại, màu đen mặt trước có chữ màu trắng Masstel,

mặt sau có chữ A9 sản phẩm dành riêng cho Viettel, 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen.

Trả lại cho Phan Đức Q: 01 điện thoại di động màu đen hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phan Đức Q; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Đức Q; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Thanh V.

Trả lại cho Phan Tất T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Đối với giấy chứng minh nhân dân của Lê Văn Canh, Phan Đức Quang, căn cước công dân của Phan Tất T giao cho cơ sở giam giữ quản lý và hoàn trả lại cho các bị cáo khi chấp hành xong án phạt tù. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi ngày 18/8/2021.)

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Trung Q, Nguyễn Minh X đã có hành vi chở Lê Văn Nam, Phan Đức Q, Phan Tất T và 11 người khách đi từ Khách sạn H đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào. Tuy nhiên, Q, X không biết những người khách này đi đâu, làm gì nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Kon Tum không xử lý hình sự đối với Q, X là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng có tên H và S (không rõ nhân thân, lai lịch); theo lời khai của Lê Văn C, Lê Văn N là những người đã đặt vấn đề với C và N để dẫn 11 người xuất cảnh trái phép sang Lào. Tuy nhiên, C và N không biết rõ về nhân thân, lai lịch, chỉ nghe giới thiệu tên là H, S và đang làm ăn ở Lào cho nên Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Kon Tum không có cơ sở để truy tìm và thực hiện Ủy thác tư pháp đến Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nên tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý sau.

Đối với đối tượng có tên G; theo lời khai của Lê Văn C là người đã đặt vấn đề với C dẫn người trái phép sang Lào. Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Kon Tum đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch nên tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Đối với 09 người gồm: Phạm Xuân T, Nguyễn Văn N, Võ Văn N, Phạm Việt Đ, Võ Văn D, Lương Thị N, Lê Minh Q, Ngô Văn Q, Ngô Sỹ H đã có hành vi xuất cảnh trái phép sang Lào; qua xác minh họ lần đầu có hành vi xuất cảnh trái phép sang Lào cho nên Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung, Cục phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ đội biên phòng đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định” là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 02 người đi cùng với 09 người bị bắt giữ đã có hành vi xuất cảnh trái phép sang Lào vào ngày 09/10/2020; tuy nhiên, hiện 02 người này chưa rõ nhân

thân lai lịch nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Kon Tum tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Theo lời khai của Võ Văn D, Lương Thị N, Võ Văn N, Nguyễn Văn N, Ngô Sỹ H, Ngô Văn Qg, Phạm Xuân T, Phạm Viết Đ, Lê Minh Q thì có một số đối tượng đã có hành vi môi giới như: T, T, T, Q; tuy nhiên, chưa xác định được nhân thân, lai lịch cho nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Kon Tum tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[7] .*Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, và Điều 23 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án, Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 15, Điều 17; Điều 57 , Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Lê Văn C ; Phạm tội “ *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* ” .Xử phạt: Lê Văn C 7 năm (Bảy năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. (Ngày 15/01/2021)

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Lê Văn N ; Phạm tội “ *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* ” .Xử phạt: Lê Văn N 6 năm 6 tháng (Sáu năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. (Ngày 09/10/2020)

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1 điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Phan Tất T ; Phạm tội “ *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* ” .Xử phạt: Phan tất T 6 năm (Sáu năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. (Ngày 11/5/2021)

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Phan Đức Q ; Phạm tội “ *Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép* ” . Xử phạt: Phan Đức Q 5 năm 6 tháng (Năm năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. (Ngày 14/01/2021)

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung quỹ : 01 (một) điện thoại di động phím số, hiệu Nokia, vỏ màu đen (đã qua sử dụng) của Lê Văn Canh, và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Lê Văn Nam.

Trả lại cho Lê Văn C: 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Văn C; 01 giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Lê Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Văn T; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn C; 01 điện thoại di động một mặt màu đen có chữ FPT, một mặt màu đỏ; 01 vật hình dáng giống điện thoại, màu đen mặt trước có chữ màu trắng Masstel, mặt sau có chữ A9 sản phẩm dành riêng cho Viettel, 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen.

Trả lại cho Phan Đức Q: 01 điện thoại di động màu đen hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phan Đức Q; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Đức Q; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Thanh V.

Trả lại cho Phan Tất T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Đối với giấy chứng minh nhân dân của Lê Văn C, Phan Đức Q, căn cước công dân của Phan Tất T giao cho cơ sở giam giữ quản lý và hoàn trả lại cho các bị cáo khi chấp hành xong án phạt tù.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi ngày 18/8/2021.)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, và Điều 23 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Căn cứ Điều 331; 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo để xin xét xử lại bản án theo trình tự phúc thẩm, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hành